HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2021/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và cơ chế thưởng thu vượt dự toán ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 4336/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và cơ chế thưởng thu vượt dự toán ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 136/BC-HĐND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và cơ chế thưởng thu vượt dự toán ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách huyện, thị xã, thành phố tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định điều tiết nguồn thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng ở huyện, thị xã, thành phố theo danh mục dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Nhân

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương và cơ chế thưởng thu vượt dự toán ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I
PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 1. Nguồn thu của ngân sách tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Nguồn thu của ngân sách huyện, thị xã, thành phố

1. Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

3. Thu chuyển nguồn của ngân sách huyện, thị xã, thành phố từ năm trước chuyển sang.

4. Các khoản thu phân chia theo tỷ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

5. Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.

2. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

3. Thu chuyển nguồn của ngân sách xã, phường, thị trấn từ năm trước chuyển sang.

4. Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Phân cấp nguồn thu

Chi tiết phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết này.

Chương II
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 5. Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 6. Nhiệm vụ chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố

1. Chi đầu tư phát triển.

2. Chi thường xuyên.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển.

2. Chi thường xuyên.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

Điều 8. Phân cấp nhiệm vụ chi

Chi tiết phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết này.

Chương III
TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP

Điều 9. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (Chi tiết theo Phụ lục III ban hành kèm Nghị quyết này)

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

a) Đối với thành phố Phan Thiết: Ngân sách tỉnh hưởng 70%; ngân sách thành phố được hưởng 30%.

b) Đối với các huyện, thị xã: Ngân sách tỉnh hưởng 20%; ngân sách huyện, thị xã được hưởng 80%.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí của doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài):

Ngân sách tỉnh được hưởng 50%; ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng 50%.

3. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu thuế thu nhập cá nhân:

a) Đối với thành phố Phan Thiết: Ngân sách tỉnh hưởng 80%; ngân sách thành phố được hưởng 20%.

b) Đối với các huyện, thị xã: Ngân sách tỉnh hưởng 30%; ngân sách huyện, thị xã hưởng 70%.

4. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất)

a) Đối với thành phố Phan Thiết: Ngân sách tỉnh hưởng 60%; ngân sách thành phố hưởng 40%.

b) Đối với các huyện, thị xã: ngân sách huyện, thị xã hưởng 100%.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Đối với Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, phần điều tiết ngân sách địa phương 30% được quy thành 100% và phân chia như sau: Ngân sách tỉnh được hưởng 50% và ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng 50%.

b) Đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều tiết ngân sách địa phương 100% và phân chia như sau: Ngân sách tỉnh được hưởng 50% và ngân sách huyện, thị xã, thành phố được hưởng 50%.

Điều 10. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn (Chi tiết theo Phụ lục IV ban hành kèm Nghị quyết này)

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:

a) Đối với thành phố Phan Thiết được hưởng 30% phân chia như sau: Ngân sách thành phố hưởng 25% và ngân sách xã, phường hưởng 5%.

b) Đối với các huyện, thị xã được hưởng 80% phân chia như sau: Ngân sách huyện, thị xã hưởng 70% và ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 10%.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; lệ phí trước bạ nhà, đất; thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

Ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 50%; ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 50%.

Chương IV
CƠ CHẾ THƯỞNG THU VƯỢT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH VÀ PHÂN BỔ NGUỒN THU VƯỢT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Điều 11. Các khoản thu ngân sách nhà nước được tính thưởng khi thu vượt dự toán

Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố (phần giao cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố thu nhưng điều tiết ngân sách tỉnh hưởng).

Điều 12. Điều kiện thưởng thu vượt dự toán ngân sách

Các huyện, thị xã, thành phố được thưởng thu vượt dự toán khi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước toàn tỉnh (loại trừ thu từ dầu khí, thu xuất nhập khẩu, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Các khoản thu tại Điều 11 Quy định này được tính thưởng vượt thu cụ thể cho từng khoản thu, cho từng huyện, thị xã, thành phố khi đảm bảo đủ các điều kiện dưới đây:

a) Khoản thu đó, ngân sách toàn tỉnh thu vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

b) Khoản thu đó, ngân sách huyện, thị xã, thành phố thu vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 13. Phân bổ nguồn thu vượt dự toán ngân sách và phương thức thực hiện

1. Các khoản thu vượt dự toán tại Điều 11 Quy định này sau khi trừ tỷ lệ phần trăm (%) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định của Trung ương, được quy thành 100% và phân bổ sử dụng như sau:

a) 50% để cân đối điều hành chung của tỉnh, chủ yếu là tăng chi đầu tư phát triển.

b) 50% hỗ trợ lại cho các huyện, thị xã, thành phố để chi đầu tư phát triển.

2. Căn cứ báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước niên độ năm trước được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh mức thưởng thu vượt dự toán cho các huyện, thị xã, thành phố./.

PHỤ LỤC I

Về phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%

a) Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

b) Lệ phí môn bài từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

c) Tiền sử dụng đất (không kể tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao quyền sử dụng đất và dự án do ngân sách tỉnh đầu tư.

d) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không kể tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

đ) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

e) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

g) Các khoản thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do ngân sách tỉnh đại diện chủ sở hữu.

h) Thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp có vốn ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

k) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

l) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

m) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

n) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

p) Tiền đền bù thiệt hại đất.

q) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

r) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

s) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

t) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

u) Thu kết dư ngân sách tỉnh.

v) Các khoản thu khác cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh

a) Thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí), không kể thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa nhập khẩu và từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí), không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.

c) Thuế thu nhập cá nhân.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước).

đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố

a) Thuế giá trị gia tăng từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

c) Thuế tài nguyên từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt của dịch vụ, hàng hóa sản xuất trong nước từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

đ) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

e) Thuế thu nhập cá nhân.

g) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí của doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

h) Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất).

4. Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%

a) Lệ phí môn bài từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, không kể lệ phí môn bài thu từ hộ cá nhân, hộ kinh doanh.

b) Tiền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân (trừ các quyết định giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc các dự án do ngân sách tỉnh đầu tư) và dự án do ngân sách huyện, thị xã, thành phố đầu tư.

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương.

d) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập huyện, thị xã, thành phố thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

đ) Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố thực hiện thu.

e) Thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước thuộc huyện, thị xã, thành phố quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc huyện, thị xã, thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

i) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

k) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

l) Thu kết dư ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

m) Các khoản thu khác của huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách huyện, thị xã, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn

a) Thuế giá trị gia tăng từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

c) Thuế tài nguyên từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt của dịch vụ, hàng hóa sản xuất trong nước từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

đ) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

e) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

g) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

h) Lệ phí trước bạ nhà, đất.

6. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%

a) Thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc xã, phường, thị trấn quản lý.

b) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn tổ chức thu.

đ) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

e) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

g) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

h) Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

i) Các khoản thu khác của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC II

Về phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

I. Nhiệm vụ chi ngân sách tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được phân cấp.

b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị thuộc các ngành, lĩnh vực, trong đó bao gồm cả kinh phí mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch.

d) Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân; bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm lợi thế của tỉnh.

đ) Kinh phí chi trả các khoản nợ vay của ngân sách địa phương để chi đầu tư phát triển.

e) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

g) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phần do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Gồm giáo dục trung học phổ thông, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

c) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Gồm nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: bao gồm phòng bệnh, chữa bệnh, bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác, dân số và kế hoạch hoá gia đình thuộc cấp tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp văn hoá thông tin: Bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao: Bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh.

- Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Lĩnh vực quy hoạch thuộc cấp tỉnh quản lý bao gồm chi lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

- Lĩnh vực thương mại, du lịch thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

k) Chi bảo đảm xã hội: Bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh

Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thuộc cấp tỉnh.

m) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính địa phương

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới

II. Nhiệm vụ chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do tỉnh phân cấp.

b) Chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh phân cấp.

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Riêng ngân sách thị xã La Gi, thành phố Phan Thiết có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập từ bậc trung học cơ sở trở xuống. Việc chi đầu tư điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác thực hiện theo phân cấp và danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hàng năm.

2. Chi thường xuyên

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phần giao cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Gồm giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

c) Sự nghiệp văn hoá thông tin: bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động văn hóa khác thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao: Bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp huyện; các giải thi đấu cấp huyện; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

g) Các hoạt động kinh tế:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Sự nghiệp tài nguyên: Điều tra cơ bản; đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Lĩnh vực quy hoạch; thương mại, du lịch do các cơ quan, đơn vị huyện thị xã, thành phố quản lý.

- Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Các sự nghiệp kinh tế khác do các cơ quan, đơn vị huyện, thị xã, thành phố quản lý.

h) Chi bảo đảm xã hội: Bao gồm các cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do huyện, thị xã, thành phố quản lý.

i) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thuộc huyện, thị xã, thành phố.

k) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện, thị xã, thành phố

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới

III. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phần giao cho ngân sách xã, phường, thị trấn quản lý đảm bảo theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Sự nghiệp dân số và gia đình do xã, phường, thị trấn quản lý.

c) Sự nghiệp văn hoá, thông tin, phát thanh do xã, phường, thị trấn quản lý.

d) Sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý.

đ) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do xã, phường, thị trấn quản lý.

e) Các hoạt động kinh tế do xã, phường, thị trấn quản lý.

g) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thuộc xã, phường, thị trấn.

h) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

i) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách xã, phường, thị trấn./.

PHỤ LỤC III

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Nguồn thu được điều tiết ngân sách địa phương	Tổng (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố												Ghi chú
			Tỉnh	Phan Thiết	Tuy Phong	Bắc Bình	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	LaGi	Hàm Tân	Đức Linh	Tánh Linh	Phú Quý	Trong đó xã, phường, thị trấn	
1	Thuế GTGT, không kể thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu và từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí														
a	Từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100		30	80	80	80	80	80	80	80	80	80	Chi tiết theo Phụ lục số 04	Đối với thành phố: tỉnh hưởng 70%, đối với huyện, thị xã: tỉnh hưởng 20%
2	Thuế TNDN, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí.														
a	Từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100		30	80	80	80	80	80	80	80	80	80	Chi tiết theo Phụ lục số 04	Đối với thành phố: tỉnh hưởng 70%, đối với huyện, thị xã: tỉnh hưởng 20%
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước														
a	Từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100		30	80	80	80	80	80	80	80	80	80	Chi tiết theo Phụ lục số 04	Đối với thành phố: tỉnh hưởng 70%, đối với huyện, thị xã: tỉnh hưởng 20%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Chi tiết theo Phụ lục số 04	

Số TT	Nguồn thu được điều tiết ngân sách địa phương	Tổng (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố												Ghi chú
			Tỉnh	Phan Thiết	Tuy Phong	Bắc Bình	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	LaGi	Hàm Tân	Đức Linh	Tánh Linh	Phú Quý	Trong đó xã, phường, thị trấn	
5	Thuế tài nguyên không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí														
a	Từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100		30	80	80	80	80	80	80	80	80	80	Chi tiết theo Phụ lục số 04	Đối với thành phố: tỉnh hưởng 70%, đối với huyện, thị xã: tỉnh hưởng 20%
6	Lệ phí môn bài														
a	Từ doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Chi tiết theo Phụ lục số 04	
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Chi tiết theo Phụ lục số 04	
8	Thuế thu nhập cá nhân	100		20	70	70	70	70	70	70	70	70	70		Đối với thành phố: tỉnh hưởng 80%, đối với huyện, thị xã: tỉnh hưởng 30%
9	Tiền sử dụng đất														
a	Do UBND tỉnh quyết định giao quyền sử dụng đất và dự án do ngân sách tỉnh đầu tư	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Tiền sử dụng đất do UBND huyện, thị xã, thành phố Quyết định giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân (trừ các Quyết định giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thuộc các dự án do ngân sách tỉnh đầu tư) và dự án do ngân sách huyện, thị xã, thành phố đầu tư.	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		

Số TT	Nguồn thu được điều tiết ngân sách địa phương	Tổng (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố												Ghi chú
			Tỉnh	Phan Thiết	Tuy Phong	Bắc Bình	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	LaGi	Hàm Tân	Đức Linh	Tánh Linh	Phú Quý	Trong đó xã, phường, thị trấn	
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền cho thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí của doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)	100	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50		
11	Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước														
a	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc SHNN do Tỉnh quản lý trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
b	Tiền cho thuê và bán nhà thuộc SHNN do các huyện, thị xã, thành phố quản lý trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100		
12	Lệ phí trước bạ														
a	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	0	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	Chi tiết theo Phụ lục số 04	
b	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà, đất)	100		40	100	100	100	100	100	100	100	100	100		Đối với thành phố Phan Thiết: tỉnh hưởng 60%
13	Thu bán tài sản nhà nước (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
14	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	0	
16	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật														
a	Đối với Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, phần điều tiết ngân sách địa phương 30% được quy thành 100%	100	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50		
b	Đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp	100	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50		
17	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	

Số TT	Nguồn thu được điều tiết ngân sách địa phương	Tổng (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố												Ghi chú
			Tỉnh	Phan Thiết	Tuy Phong	Bắc Bình	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	LaGi	Hàm Tân	Đức Linh	Tánh Linh	Phú Quý	Trong đó xã, phường, thị trấn	
18	Các khoản phí, lệ phí và các khoản thu khác nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
19	Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
20	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
21	Thu kết dư NSĐP (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	
22	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (*)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	

Ghi chú:

(*) Đơn vị thu thuộc cấp nào thì điều tiết số thu cho ngân sách cấp đó 100%

PHỤ LỤC IV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Nội dung thu	Tổng (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết nguồn thu giữa các cấp ngân sách						Ghi chú
			Phan Thiết			Các huyện và thị xã La Gi			
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, thị xã	Ngân sách xã, phường, thị trấn	
1	Thuế GTGT từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100	70	25	5	20	70	10	
2	Thuế TNDN từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100	70	25	5	20	70	10	
3	Thuế tài nguyên từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100	70	25	5	20	70	10	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	100	70	25	5	20	70	10	
5	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	100	0	50	50	0	50	50	
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	0	50	50	0	50	50	
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	0	50	50	0	50	50	
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	0	50	50	0	50	50	